

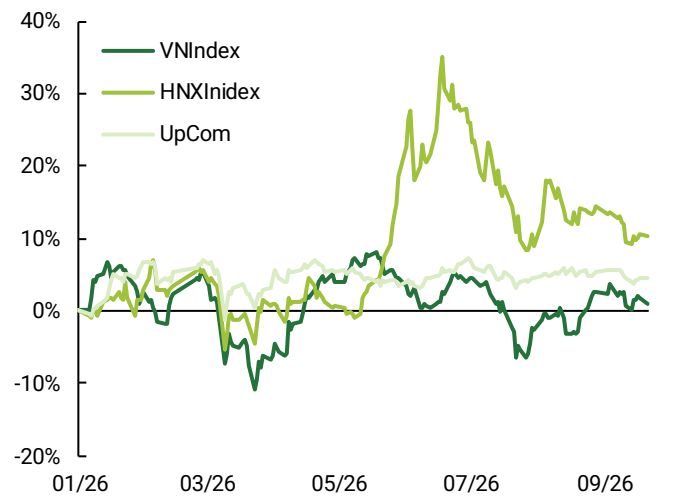
VN-Index **1799.67 (-0.88%)**
 718 Tr. cổ phiếu 17443.4 Tỷ VND (-33.01%)

HNX-Index **274.38 (-0.33%)**
 43 Tr. cổ phiếu 746.2 Tỷ VND (26.83%)

UPCOM-Index **126.35 (-0.04%)**
 31 Tr. cổ phiếu 499.1 Tỷ VND (-27.77%)

VN30F1M **1949.00 (-1.07%)**
 240,944 HD OI: 27,980 HD

% Hiệu suất từ đầu năm 2026 của các chỉ số



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- **Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1799.7, giảm -16.0 điểm (-0.88%). Thanh khoản giảm với độ rộng thị trường nghiêng về bên bán. Đà giảm cũng ghi nhận ở VN30, HNXIndex.
- **Điểm nhấn trong phiên:** Hoạt động cơ cấu của các quỹ ETF tiếp tục diễn ra trong phiên ATC, nhưng lần này nghiêng về chiều hướng nâng đỡ. Sắc xanh trở lại ở một số mã blue chip giúp chỉ số thu hẹp một phần đà giảm.
- Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến tích cực trong phiên: Ngân hàng: ACB (+2.3%), CTG (+2.5%), VPB (+3.6%) | Điện, nước & xăng dầu khí đốt: GAS (+0.7%), ASP (+6.3%) | Dầu khí: PVD (+0.8%), BSR (+4.5%) | Hóa chất: AAA (+6.2%), HII (+6.6%), NHH (+6.9%). Diễn biến yếu trong phiên: Bất động sản: KOS (-7.0%), VPI (-4.3%), VHM (-4.1%) | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: TDP (-4.4%), GEX (-3.1%), GEE (-2.7%) | Dịch vụ tài chính: VND (-3.3%), EVF (-3.0%), VIX (-2.7%) | Xây dựng và Vật liệu: DLG (-3.4%), CDC (-1.9%), EVG (-1.0%).
- Tác động chỉ số: Chiều tăng | VPB, VJC, BSR, CTG, TCB - Chiều giảm | VIC, VHM, VCB, SSB, LPB.
- Giao dịch Khối ngoại Bán ròng hơn 660 tỷ đồng, tập trung nhiều ở VHM, VIC, FPT, trong khi mua ròng MCH, VPB, CTG.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- **VN-Index** đóng cửa trong sắc đỏ, nối tiếp đà giảm từ phiên trước. Tuy nhiên, thanh khoản cũng sụt giảm cho thấy cung bán chưa gây áp lực lớn. Về mặt kỹ thuật, chỉ báo MACD chưa thể cắt lên đường signal, cùng RSI hạ nhiệt về gần mức trung bình, hàm ý động lượng tăng suy yếu. Sau khi thất bại tại vùng cản 1840 điểm, chỉ số nhiều khả năng cần thêm thời gian tích lũy quanh vùng 1800 điểm trước khi có thể hình thành nhịp vận động mới. Vùng 1775 điểm đóng vai trò hỗ trợ duy trì xu hướng hiện tại, trong khi 1840 điểm vẫn là ngưỡng kỹ thuật cần vượt qua để xác nhận đà tăng.
- **Đối với HNX-Index**, chỉ số tiếp tục giằng co quanh khu vực 270 – 275 điểm. Cần thêm nền tảng vượt ngưỡng 280 để xác nhận mẫu hình hồi phục. Trái lại, nếu giá quay lại mất mốc 270, đà giảm có thể mở rộng về khu vực 260 điểm.
- **Chiến lược:** Nhà đầu tư nên quản trị danh mục theo tín hiệu riêng của từng cổ phiếu trước bối cảnh phân hóa. Nếu xuất hiện mã sập gãy, có thể tận dụng nhịp hồi để hạ bớt vị thế. Ngược lại, với những cổ phiếu vẫn giữ được các ngưỡng hỗ trợ quan trọng, có thể tiếp tục nắm giữ. Ở chiều mua mới, chỉ phù hợp khẩu vị rủi ro cao và ưu tiên giao dịch ngắn hạn theo dòng tiền. Nhóm ngành nổi bật: Ngân hàng, Dầu khí, Hóa chất.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Theo dõi VEA (Xem tiếp tại trang 7)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa				% Thay đổi				Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với				Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với			
		(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng			01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng					
Theo chỉ số																		
VN-Index	1,799.7 ▼	-0.9%	0.6%	1.8%	17,443.4 ▼	-33.0%	-10.9%	-5.1%	718.2 ▼	-23.5%	-13.0%	-8.4%						
HNX-Index	274.4 ▼	-0.3%	0.9%	-3.4%	746.2 ▲	26.8%	11.8%	-33.6%	43.1 ▲	1.2%	4.9%	-40.0%						
UPCOM-Index	126.4 ▼	0.0%	0.6%	-0.9%	499.1 ▼	-27.8%	8.5%	2.7%	31.3 ▼	-55.1%	47.2%	-17.5%						
VN30	1,953.3 ▼	-0.6%	1.3%	1.3%	11,722.9 ▼	-37.1%	12.3%	16.2%	353.3 ▼	-25.8%	4.9%	6.2%						
VNMID	1,870.9 ▼	-1.0%	1.5%	-4.4%	4,603.6 ▼	-23.2%	-31.6%	-34.7%	235.9 ▼	-24.1%	-37.5%	-35.9%						
VNSML	1,228.5 ▼	-0.3%	1.2%	-2.8%	709.8 ▼	-28.0%	-64.9%	-26.0%	50.4 ▼	-34.4%	-46.0%	-30.9%						
Theo ngành (VNIndex)																		
Ngân hàng	635.9 ➡	0.1%	2.37%	0.7%	6,053.4 ▼	-26.0%	3.3%	35.6%	267.9 ▼	-18.6%	6.5%	36.6%						
Bất động sản	1,000.0 ▼	-2.7%	-2.8%	7.7%	3,207.4 ▼	-47.4%	-9.0%	9.2%	83.3 ▼	-30.0%	-9.5%	2.6%						
Dịch vụ tài chính	269.6 ▼	-2.1%	0.8%	-7.4%	1,945.9 ▼	-37.6%	-11.6%	6.4%	105.7 ▼	-38.9%	-15.4%	3.0%						
Công nghiệp	226.5 ▼	-1.4%	4.2%	-3.6%	727.3 ▼	-24.2%	-30.0%	-3.7%	27.8 ▼	-27.4%	-34.4%	-8.6%						
Tài nguyên cơ bản	466.3 ▼	-1.8%	0.7%	-2.7%	521.3 ▼	-41.6%	-4.5%	8.7%	28.1 ▼	-40.0%	-5.0%	7.5%						
Xây dựng - Vật Liệu	152.4 ▼	-0.7%	2.8%	-4.4%	331.3 ▲	5.6%	2.4%	-0.5%	21.6 ▲	5.6%	0.0%	1.9%						
Thực phẩm	492.3 ▼	-0.7%	0.7%	-2.1%	1,193.6 ▼	-19.5%	11.7%	41.3%	33.7 ▲	25.1%	30.8%	56.3%						
Bán Lẻ	1,385.9 ▼	-0.1%	4.9%	-3.7%	456.0 ▲	18.9%	-16.7%	-5.2%	6.7 ▼	-18.8%	-25.9%	-11.4%						
Công nghệ	392.1 ▲	1.5%	0.9%	1.0%	647.3 ▼	-55.0%	-11.3%	22.1%	10.2 ▼	-49.0%	-8.6%	6.5%						
Hóa chất	169.1 ➡	0.7%	5.3%	1.5%	357.7 ▲	7.8%	-13.2%	8.7%	17.5 ▲	35.5%	0.8%	38.8%						
Tiện ích	779.0 ➡	0.1%	2.5%	2.3%	353.6 ▲	18.5%	-3.9%	31.3%	13.1 ▲	10.1%	8.7%	20.5%						
Dầu khí	121.5 ▲	2.8%	8.7%	11.6%	732.8 ▼	-17.9%	-31.27%	28.6%	24.6 ▼	-22.3%	-33.0%	20.9%						
Dược phẩm	388.6 ➡	0.4%	1.8%	0.0%	227.1 ▲	83.1%	28.4%	236.5%	7.0 ▲	90.3%	16.0%	156.7%						
Bảo hiểm	109.5 ▲	2.4%	3.7%	5.8%	74.5 ▲	50.5%	2.8%	88.5%	1.2 ▲	41.4%	0.5%	65.0%						

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,799.7 ▼	-0.88%	0.9%	13.8x	2.0x
SET-Index	Thái Lan	1,598 ▬	0.88%	26.9%	15.0x	1.5x
JCI-Index	Indonesia	6,385 ▼	-0.88%	-26.2%	14.4x	1.7x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,399 ▼	-0.11%	0.8%	14.9x	1.4x
PSEi Index	Phillipines	5,844 ▼	-0.21%	-3.5%	8.8x	1.2x
Shanghai Composite	Trung Quốc	3,950 ▬	0.97%	-0.5%	16.8x	1.5x
Hang Seng	Hồng Kông	25,043 ▲	1.18%	-2.3%	12.1x	1.3x
Nikkei 225	Nhật Bản	65,019	-	29.2%	20.7x	2.8x
S&P 500	Mỹ	7,651 ▬	0.17%	11.8%	26.2x	5.6x
Dow Jones	Mỹ	51,683 ▼	-0.18%	7.5%	22.6x	5.7x
FTSE 100	Anh	10,760 ▬	0.95%	8.3%	14.8x	2.3x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	6,320 ▲	1.35%	9.1%	16.9x	2.4x
DXV		100.3 ▬	0.07%	2.0%		
USDVND		26,018 ▬	0.000%	-1.1%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

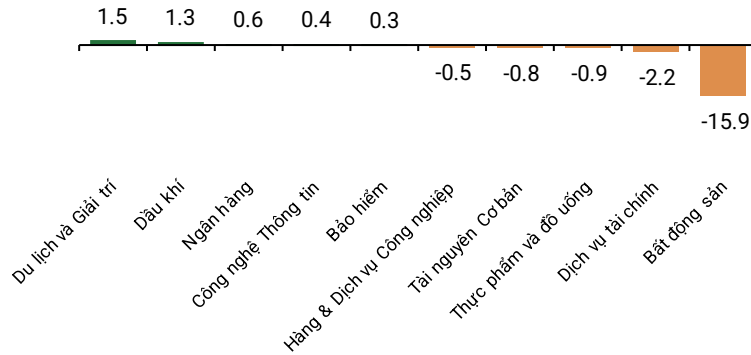
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	▼	-3.16%	6.6%	65.3%	50.9%
Dầu WTI	▼	-3.02%	11.7%	69.4%	55.2%
Khí gas	▼	-1.6%	3.4%	-22.2%	-0.8%
Than cốc (*)	▬	0.0%	26.6%	48.6%	54.0%
Thép HRC (*)	▬	0.1%	0.8%	1.3%	-3.3%
PVC (*)	▬	0.6%	2.1%	3.3%	-4.1%
Phân Urea	▲	3.4%	20.0%	27.0%	18.5%
Cao su thiên nhiên	▬	0.5%	2.2%	32.2%	39.7%
Bông Cotton	▲	3.3%	-8.2%	24.4%	23.1%
Đường	▼	-0.1%	-1.5%	15.5%	12.2%
World Container Index	▬	0.0%	-0.6%	103.4%	135.2%
Baltic Dirty tanker Index	▲	2.8%	63.1%	271.4%	328.6%
Vàng	▼	-0.78%	-5.6%	0.6%	17.9%
Bạc	▼	-0.65%	-4.6%	-8.1%	52.8%

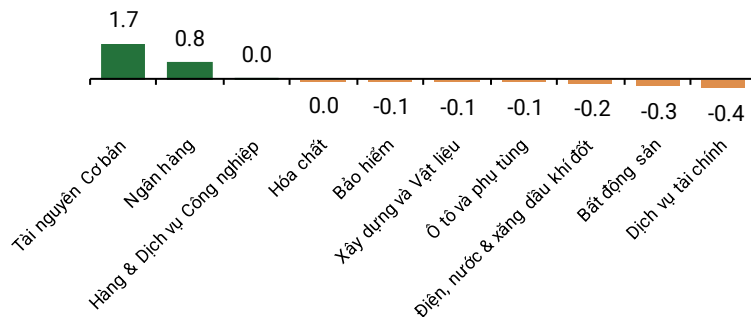
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

+0.31 (BVH)	-0.35 (VRE)
+0.43 (FPT)	-0.39 (VNM)
+0.60 (ACB)	-0.45 (VCK)
+0.63 (MBB)	-0.59 (STB)
+0.73 (BID)	-0.79 (HPG)
+0.95 (TCB)	-1.18 (LPB)
+1.21 (CTG)	-1.19 (SSB)
+1.40 (BSR)	-1.73 (VCB)
+1.43 (VJC)	-4.94 (VHM)
+1.64 (VPB)	-9.98 (VIC)

TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX

+0.01 (L40)	-0.04 (S55)
+0.01 (GIC)	-0.05 (BTW)
+0.01 (IPA)	-0.05 (KSF)
+0.02 (TKU)	-0.07 (BAB)
+0.02 (BKC)	-0.09 (PVI)
+0.03 (PGS)	-0.13 (HUT)
+0.04 (CEO)	-0.16 (SHS)
+0.25 (IDC)	-0.16 (DTK)
+0.86 (NVB)	-0.18 (MBS)
+1.77 (KSV)	-0.52 (THD)

BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

TOP CỔ PHIẾU NGTTN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX

+26 (ACB)	-41 (VND)
+27 (HDB)	-41 (VRE)
+31 (VNM)	-44 (TCX)
+42 (VPL)	-49 (VIX)
+43 (TCB)	-49 (SHB)
+51 (MBB)	-52 (FUEVFNVD)
+52 (BSR)	-56 (SSI)
+54 (CTG)	-67 (FPT)
+84 (VPB)	-115 (VIC)
+107 (MCH)	-292 (VHM)

TOP CỔ PHIẾU NGTTN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX

+0.0 (IDV)	-0.1 (TNG)
+0.0 (TTH)	-0.1 (APS)
+0.0 (PDB)	-0.2 (PVB)
+0.0 (THD)	-0.3 (C69)
+0.0 (HUT)	-0.7 (KSF)
+0.1 (PTD)	-0.9 (MST)
+0.1 (L14)	-1.1 (VC3)
+0.2 (PCH)	-1.2 (NVB)
+0.2 (IVS)	-6.5 (CEO)
+22.3 (IDC)	-25.4 (PVS)

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



	VHM	VPB	VIC	SSI	FPT
%DoD	-4.1%	3.6%	-2.6%	-2.3%	1.8%
Giá trị	1,197	932	876	704	560

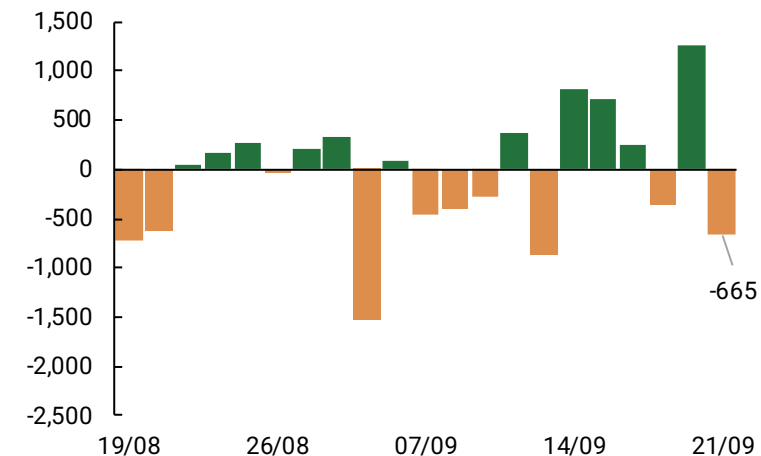
TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



	SSB	SBT	EIB	MWG	VPB
%DoD	-6.8%	-2.2%	-1.2%	-1.1%	3.6%
Giá trị	952	401	225	178	156

BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



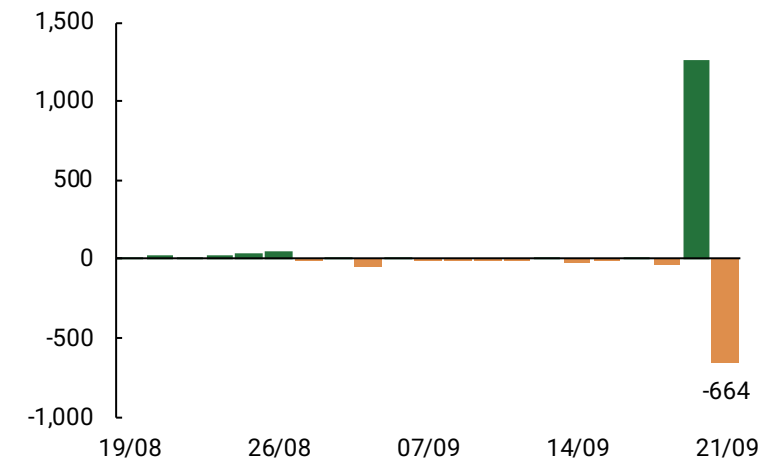
	PVS	IDC	SHS	CEO	MBS
%DoD	0.0%	3.1%	-2.1%	0.9%	-1.8%
Giá trị	99	78	74	53	43

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



	BCF	HUT	VFS	MBS	HMH
%DoD	0.0%	-1.5%	-1.0%	-1.8%	9.0%
Giá trị	117	13	13	8	6

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Nến đỏ thân lớn, vol dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1700 | 1770.
- ✓ Kháng cự: 1840 | 1900.
- ✓ MACD, RSI suy yếu.
- ✓ Xu hướng: Hạ nhiệt củng cố đà đi lên.

Kịch bản: Nỗ lực phục hồi chưa thành công và chỉ số tiếp tục giao dịch trong sắc đỏ, theo sau đà giảm của phiên trước. Vận động đã lùi về quanh mốc tâm lý 1800 điểm. Trạng thái rung lắc kiểm định cung cầu khả năng tiếp diễn, với kháng cự biên trên là ngưỡng 1840 điểm, trong khi hỗ trợ biên dưới là ngưỡng 1775 điểm.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến đỏ thân lớn, vol trên mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1860 | 1920
- ✓ Kháng cự: 1990 | 2050.
- ✓ MACD, RSI suy yếu.
- ✓ Xu hướng: Hạ nhiệt củng cố đà đi lên.
- ✓ **Kịch bản:** Nỗ lực phục hồi chưa thành công và chỉ số đã lùi về sát MA20 ngày (quanh ngưỡng 1950 điểm), chịu sức ép lớn từ nhóm Vin. Trạng thái rung lắc, kiểm định cung cầu khả năng còn tiếp diễn, với kháng cự biên trên là ngưỡng 1990 điểm, trong khi hỗ trợ biên dưới là ngưỡng 1920 điểm.

STOCK		STRATEGY	Technical		Financial Ratio	
Ticker	VEA	WATCH	Current price	36.90	P/E (x)	6.4
			Watch zone	36 - 36.3	P/B (x)	1.7
Exchange	UPCoM		Target price	39	EPS	5742.9
			Cut loss price	35.4	ROE	26.3%
Sector	Industrial Machinery				Stock Rating	BBB
					Scale Market Cap	Medium



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá trở lại vận động trên ngưỡng MA10, 20 ngày.
 - Thanh khoản tăng cho thấy dòng tiền cải thiện.
 - Chỉ báo MACD duy trì trên đường signal, cùng với RSI vận động trên ngưỡng trung bình, hàm ý động lượng tăng phục hồi.
- ➔ Xu hướng giá đã vượt vùng cản 36 và đang hạ nhiệt kiểm định.
- ➔ Khuyến nghị Theo dõi, quan sát khi giá điều chỉnh về khu vực 36 – 36.3, nếu phản ứng kiểm định tốt có thể cân nhắc.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá hành động	LN/Lỗ thực hiện	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	VEA	Theo dõi	22/09/2026	36.9	36 - 36.3	-	39	7.9%	35.4	-2.1%	

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	PLX	Mua	15/09/2026	-	36.85	36.2 - 36.7	1.1%	40	9.7%	34.6	-5.1%	
2	PVD	Mua	15/09/2026	-	19.35	19.2 - 19.5	0.0%	21.5	11.1%	18.3	-5.4%	



Tín hiệu kỹ thuật

- Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 1949, giảm 21.0 điểm (-1.1%). Giá chịu áp lực điều chỉnh ngay đầu phiên và lực cung tiếp tục chiếm ưu thế sau đó.
- Ở đồ thị 1 giờ**, giá tạo mẫu hình nền tăng Marubozu, song, động lượng tăng còn suy yếu khi MACD vẫn nằm dưới đường signal, cùng RSI phục hồi nhưng vẫn chưa vượt trên ngưỡng trung bình. Điều này cho thấy giá có thể trở lại rung lắc, kiểm định thêm vùng 1940 – 1950 điểm. Vị thế Short cân nhắc khi giá lùi về dưới ngưỡng 1936. Vị thế Long cân nhắc khi giá trở lại vận động trên ngưỡng 1952.
- Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1843.7, giảm 35.4 điểm (-1.9%). Độ lệch basis 1.3 điểm (thấp hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh giảm, đạt 64 HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1835 điểm, trong khi kháng cự là ngưỡng 1860 điểm.

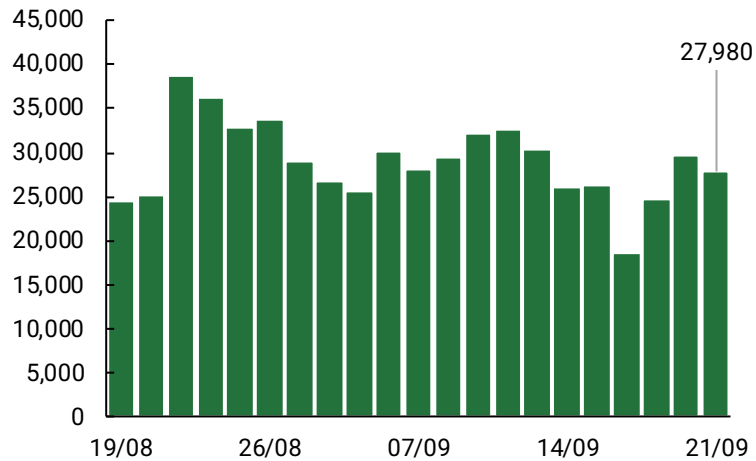
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/Rủi ro
Long	> 1952	1966	1945	14 : 7
Short	< 1936	1921	1944	15 : 8

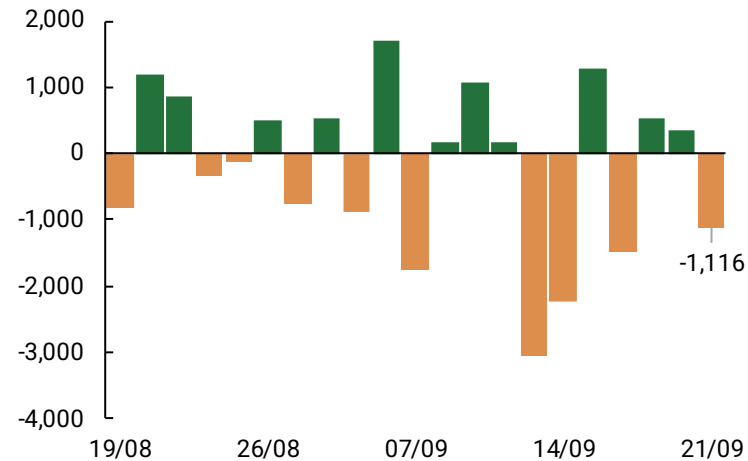
Thông kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
411H3000	1,936.2	-33.8	86	277	1,970.2	-34.0	18/03/2027	178
411GC000	1,940.8	-37.2	62	691	1,961.5	-20.7	17/12/2026	87
411GB000	1,941.2	-37.8	584	259	1,958.9	-17.7	19/11/2026	59
411GA000	1,949.0	-21.0	240,944	27,980	1,955.5	-6.5	15/10/2026	24
412GA000	1,843.7	-35.4	64	95	1,847.2	-3.5	15/10/2026	24

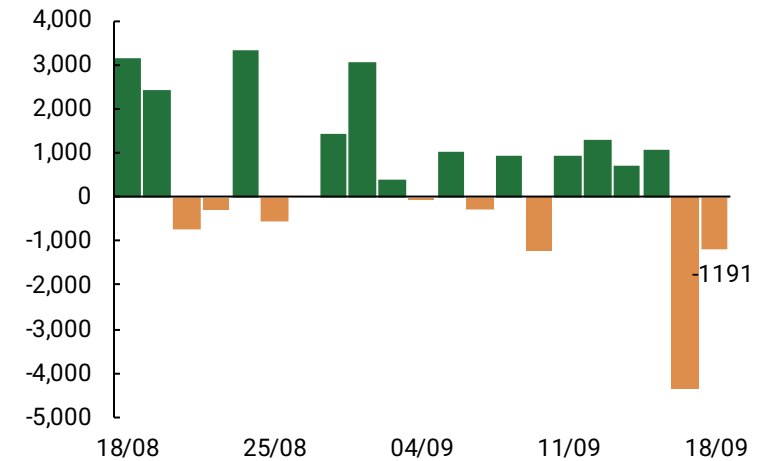
Khối lượng mở (Open interest)



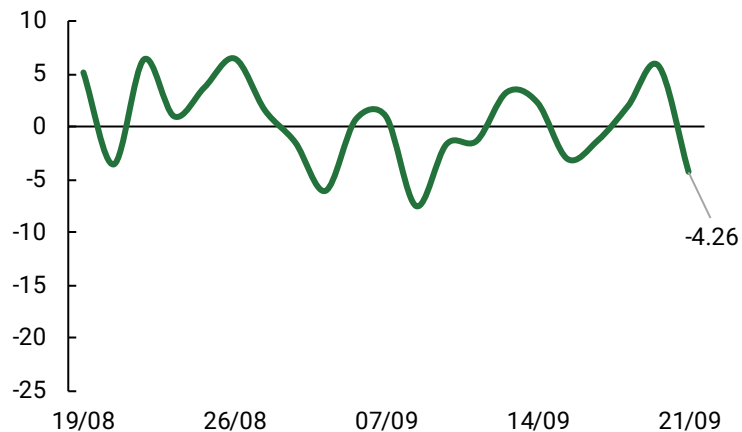
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại
(Hợp đồng)



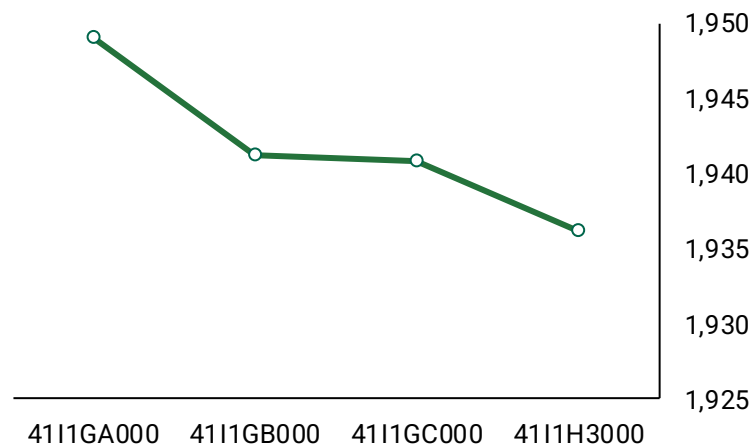
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh
(Hợp đồng)



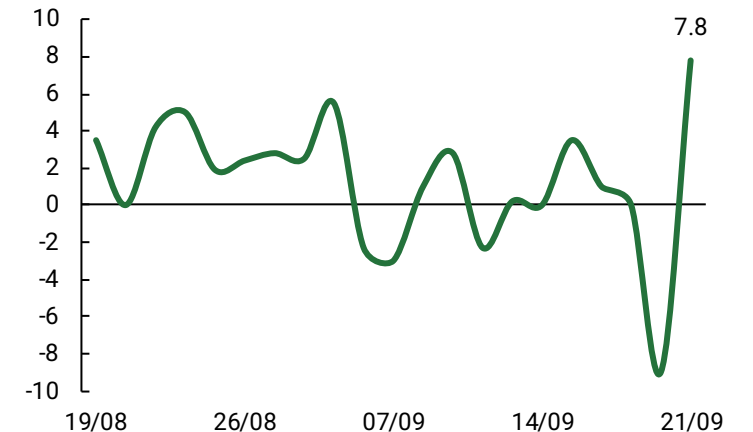
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M – VN30F2M



01/09	Mỹ, Việt Nam – Chỉ số PMI Việt Nam – Danh mục MSCI có hiệu lực
03/09	Việt Nam – Dữ liệu kinh tế vĩ mô tháng 8/2026
04/09	Mỹ – Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp
09/09	Trung Quốc – Chỉ số CPI, PPI
10 – 11/09	Mỹ – Chỉ số PPI, CPI EU – ECB công bố lãi suất
12/09	Việt Nam – VNM ETF công bố danh mục
15/09	Trung Quốc – Sản xuất công nghiệp, Doanh số bán lẻ
17/09	Mỹ – Fed công bố lãi suất Việt Nam – Đáo hạn HĐTL
21/09	Trung Quốc – Lãi suất LPR Việt Nam – Chính thức nâng hạng FTSE Russell
24/09	Thượng đỉnh Mỹ - Trung Thụy Sĩ – SNB công bố lãi suất
30/09	Mỹ – GDP Q2 lần 3, Chỉ số PCE

THÔNG TIN VĨ MÔ

NHNN hút ròng hơn 62,500 tỷ đồng, thanh khoản ngắn hạn cải thiện: Trong tuần 14–18/9, NHNN hút ròng hơn 62,500 tỷ đồng qua thị trường mở, đánh dấu tuần hút ròng thứ hai liên tiếp. Lượng giấy tờ có giá lưu hành qua kênh cầm cố giảm còn 152,488 tỷ đồng. Lãi suất liên ngân hàng qua đêm giảm từ 5.16% đầu tuần xuống 3.12%/năm ngày 17/9, trong khi kỳ hạn 1 tuần giảm từ 5.36% xuống 3.9%/năm.

BOJ nâng lãi suất lên mức cao nhất 31 năm: Ngày 18/9, Ngân hàng Trung ương Nhật Bản nâng lãi suất điều hành từ 1% lên 1.25%, mức cao nhất trong 31 năm, với tỷ lệ biểu quyết 7-2. Đây là lần tăng lãi suất thứ hai trong ba tháng, khi lạm phát cơ bản tiếp tục ở gần mục tiêu 2%. BOJ cũng để ngỏ khả năng tiếp tục nâng lãi suất nếu áp lực giá gia tăng mạnh hơn.

Mỹ - Trung đàm phán trước thềm hội nghị thượng đỉnh: Bộ trưởng Tài chính Mỹ Scott Bessent và Phó Thủ tướng Trung Quốc Hà Lập Phong gặp nhau tại New York ngày 20/9 để chuẩn bị cho cuộc gặp giữa Tổng thống Donald Trump và Chủ tịch Tập Cận Bình. Đàm phán tập trung vào thuế quan, AI và nguồn cung khoáng sản quan trọng, trong bối cảnh thỏa thuận tạm ngừng áp thuế giữa hai nước dự kiến hết hiệu lực ngày 10/11. Hai bên cũng trao đổi về đất hiếm, nông sản và hàng không.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

MSN - Doanh thu 8 tháng vượt 77,000 tỷ đồng: Masan ghi nhận doanh thu thuần lũy kế 8 tháng đầu năm 2026 đạt 77,023 tỷ đồng, tăng 52% YoY; LNST đạt 8,518 tỷ đồng, gấp khoảng 2.2 lần cùng kỳ. Động lực chính đến từ Hệ điều hành Tiêu dùng với doanh thu 56,123 tỷ đồng, tăng 19%, và Masan High-Tech Materials với doanh thu 21,013 tỷ đồng, gấp 5.1 lần cùng kỳ.

KDC - Thoái vốn khỏi công ty sở hữu Merino, Celano: KIDO hoàn tất 2 đợt chuyển nhượng cổ phần tại Nuti KD, tiền thân là Kido Foods, đơn vị sở hữu các thương hiệu kem Merino và Celano. Sau giao dịch, KIDO giảm sở hữu tại Nuti KD xuống còn 14.7% vốn điều lệ và công ty này không còn là công ty liên kết của tập đoàn.

NVL - Chốt ngày chào bán hơn 800 triệu cổ phiếu: Novaland dự kiến chào bán gần 800.7 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với giá 10,000 đồng/cp, tỷ lệ thực hiện quyền 3:1. Tổng số tiền huy động dự kiến gần 8,007 tỷ đồng, dùng để thanh toán các khoản nợ, nghĩa vụ tài chính và khoản phải trả quá hạn của công ty và các công ty con.

VSC - Muốn vay 2,200 tỷ đồng từ các công ty con: Viconship thông qua kế hoạch vay tổng cộng 2,200 tỷ đồng từ 4 công ty con nhằm tái cơ cấu dòng tiền, bổ sung vốn lưu động và đáp ứng nhu cầu tài chính ngắn hạn. Trước đó, doanh nghiệp cũng đã phát hành thành công lô trái phiếu 500 tỷ đồng, kỳ hạn 36 tháng, lãi suất cố định 11%/năm.

ACV - Tăng tốc các gói thầu trọng yếu tại sân bay Long Thành: ACV cho biết đang tập trung tăng cường nguồn lực và đẩy nhanh tiến độ 4 gói thầu đường băng thuộc Dự án Thành phần 3 sân bay Long Thành. Một số hạng mục quan trọng đã đạt tỷ lệ thực hiện cao, như gói thầu đường cất hạ cánh, đường lăn và sân đỗ đạt gần 99% giá trị hợp đồng, tạo cơ sở bước sang giai đoạn hoàn thiện và vận hành thử.

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
BSR	31,550	31,150	-1.3%	Giảm tỷ trọng
CTG	31,000	40,700	31.3%	Mua
CTD	58,700	82,900	41.2%	Mua
DBD	46,950	66,000	40.6%	Mua
DDV	16,735	35,900	114.5%	Mua
DGW	45,000	47,500	5.6%	Nắm giữ
DPG	26,800	42,300	57.8%	Mua
DPR	37,500	46,500	24.0%	Mua
DRI	14,741	17,200	16.7%	Tăng tỷ trọng
EVF	11,450	14,400	25.8%	Mua
FRT	130,100	151,000	16.1%	Tăng tỷ trọng
GMD	77,000	88,900	15.5%	Tăng tỷ trọng
HAH	46,900	58,300	24.3%	Mua
HDG	16,000	30,900	93.1%	Mua
HHV	9,340	11,700	25.3%	Mua
HPG	21,100	31,600	49.8%	Mua
IMP	37,700	54,400	44.3%	Mua
KDH	15,850	38,800	144.8%	Mua
MCH	143,000	148,500	3.8%	Nắm giữ
MWG	71,700	115,600	61.2%	Mua

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MBB	20,200	27,500	36.1%	Mua
NLG	24,100	39,400	63.5%	Mua
NT2	20,600	27,700	34.5%	Mua
PHR	31,700	39,500	24.6%	Mua
PNJ	36,900	75,500	104.6%	Mua
PVS	33,300	33,250	-0.2%	Giảm tỷ trọng
PVT	23,050	26,000	12.8%	Tăng tỷ trọng
POW	12,550	17,500	39.4%	Mua
SAB	43,850	54,900	25.2%	Mua
SSI	20,900	31,200	49.3%	Mua
TLG	54,300	50,000	-7.9%	Giảm tỷ trọng
TCB	32,250	41,700	29.3%	Mua
TCM	16,000	35,300	120.6%	Mua
TRC	21,350	22,950	7.5%	Nắm giữ
VCB	58,900	79,700	35.3%	Mua
VPB	28,450	36,500	28.3%	Mua
VCG	14,300	23,300	62.9%	Mua
VHC	50,200	58,000	15.5%	Tăng tỷ trọng
VNM	60,300	66,650	10.5%	Tăng tỷ trọng

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, quận 7, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479

Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5 - Văn phòng C, Tòa nhà Taisei Square Hanoi - số 289 đường Khuất Duy Tiến, phường Đại Mỗ, Tp.Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801